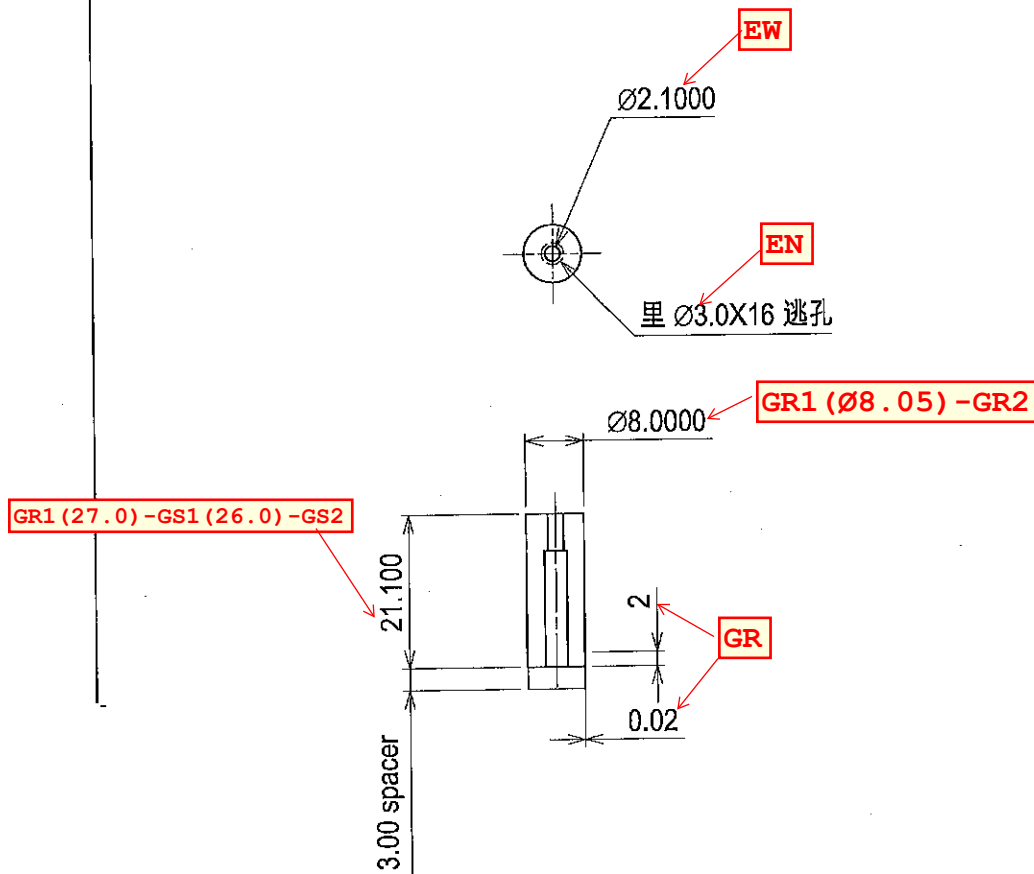


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init							0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0
							0.000	± 0.005	0.000 -0	+0.005
							0.00	± 0.01	0.00 +0	+0
							0.0	± 0.1	0.00 -0	+0.01
							0.	± 0.2	0.0 +0	+0
									0.0 -0	-0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED										
FINISH MARKS										
WE G ▽▽▽▽▽(▽)										



购入品代替可

购入品型号: WWSDA8-L22-P2.100

N213A621 : 20/4 w/hang

CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Ye_Chang_Jing	WC(D40/HIP)		部品図	穴抜きダイ
DSGND.	SURFACE	SCALE	PART DRAWING	HOLE BRANKING DIE
Sun_Yin		1:1	部品図	穿孔下模
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	部品圖	穿孔下模
Sun_Yin	HRC ~	A4V	DATE	DWG.No.
			2020/07/20	S161186

SNO: **S161186**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 Ø9*30	GR1:60 GS1:20 ED:20 EW:60 GR2:30 GS2:30 EN:30 KT